

Số: 604/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn  
vụ Đông Xuân năm 2015 - 2016 (đợt 2)

**HỎA TỐC**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C...
	Ngày: 11/4/2016

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 4205/BTC-NSNN ngày 30 tháng 3 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Hỗ trợ 484,7 tỷ đồng (bốn trăm tám mươi tư tỷ, bảy trăm triệu đồng) cho 21 địa phương và 2 Công ty thủy nông trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2016 để khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015 - 2016. Việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và số liệu báo cáo.

2. Ủy ban nhân dân các địa phương chủ động sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ nêu trên để bảo đảm thực hiện có hiệu quả việc khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh (theo phụ lục đính kèm) và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTg, các Phó Thủ tướng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTN, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3) *Đ*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÁC PHỤC HẬU QUẢ HẠN HẠN VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2015-2016 (ĐỢT 2)**

*(Bên theo Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Địa phương, cơ quan được hỗ trợ	NSTW hỗ trợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>484.700</b>
1	Lào Cai	16.200
2	Phú Thọ	15.600
3	Hải Phòng	14.200
4	Thanh Hóa	26.900
5	Nghệ An	25.800
6	Hà Tĩnh	17.700
7	Quảng Ngãi	10.700
8	Bình Định	13.000
9	Khánh Hòa	17.700
10	Ninh Thuận	47.400
11	Bình Thuận	25.000
12	Đắk Lắk	57.000
13	Đắk Nông	18.600
14	Gia Lai	17.900
15	Lâm Đồng	14.700
16	Tiền Giang	14.500
17	Bến Tre	25.000
18	Trà Vinh	6.000
19	Vĩnh Long	20.000
20	Cần Thơ	9.500
21	Hậu Giang	36.900
22	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	21.600
23	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà	12.800